TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2024/HS-ST Ngày 18-01-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 21/11/1991 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1970; có vợ là Phạm Thị N (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 119/QĐ-XPHC ngày 24/7/2023 của Công an huyện K (chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); nhân thân: Bản án số 44/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt Nguyễn Văn H 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/10/2023; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Bùi Thị S, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị N1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ ngày 02/10/2023 Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô BKS 16F3 - 3971 đi từ nhà đến khu vực Thôn D, xã T, huyện K mục đích tìm nhà nào sơ hở để lấy trộm tài sản. Hiến phát hiện nhà bà Bùi Thị S đang mở cửa nên đã dừng xe ở gần đó để quan sát. Đến khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, khi thấy bà S đi ra khỏi nhà nhưng không đóng cửa, H đi vào bên trong nhà thì phát hiện ở vị trí mặt chiếu trải dưới nền nhà gian phòng khách có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 màu xanh, có vỏ ốp màu vàng. H lấy chiếc điện thoại trên và đút vào túi quần phía sau đang mặc rồi đi ra ngoài. Khi ra đến cổng, H gặp bà Nguyễn Thị N1, bà N1 hỏi: "Tìm bà S có việc gì?". H không nói gì rồi ra lấy xe đi. Bà S về nhà và được bà N1 kể lại việc có người lạ mặt vừa vào nhà, kiểm tra thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 nên bà S đến Công an xã T trình báo. Sau đó, Công an xã T trên đường tuần tra đã kiểm tra, phát hiện và thu giữ ở túi quần phía sau, bên trái của Nguyễn Văn H chiếc điện thoại di động S1 A23; 02 điện thoại di động Nokia, màu đen; 01 xe mô tô BKS 16F3 - 3971.

Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị là: 2.300.000 đồng.

Kết luận giám định số 1153/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Xe mô tô hai bánh, BKS 16F3 - 3971, có số khung: RPHDCGTUM5H133736 và số máy: VTT1P52FMH*065259* là số nguyên thủy, không bị tẩy xóa hoặc sửa chữa các ký tự. Biển kiểm soát 16F3 - 3971 gửi giám định là biển thật.

Tuy nhiên, biển kiểm soát và số khung số máy không phải của một xe mô tô. Tại Phiếu trả lời xác minh xe ngày 20/10/2023: Xe mô tô BKS 16F3-3791 có số máy 1017896; số khung 1017896; đăng ký xe mang tên Đoàn Thị M, địa chỉ: số G L, Hải Phòng. Qua xác minh chị M không còn cư trú tại địa chỉ trên.

Tại Phiếu trả lời xác minh xe ngày 24/10/2023: Số máy VTT1P52FMH065259 là của xe mô tô BKS 16K1 - 7545; đăng ký xe mang tên Lê Văn T, địa chỉ: 2 L, G, N, Hải Phòng. Qua xác minh ông T đã bán chiếc xe trên được hơn 10 năm và không nhớ bán cho ai.

Sau khi sự việc xảy ra, bà Bùi Thị S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh, Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu là bà Bùi Thị S. 02 điện thoại di động Nokia, màu đen, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn H1 (bố H).

Đối với 01 xe mô tô gắn BKS 16F3 - 3971 bị cáo khai mua của người không quen biết ở khu vực quận Đ để làm phương tiện đi lại, do chưa xác định chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSKT ngày 15/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn H mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Không có.

~~- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bà S không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo, nên không xem xét giải quyết.~~

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo đồng ý và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ

đồ hiện trường nơi xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 02/10/2023 tại thôn D, xã T, huyện K, Nguyễn Văn H có hành vi lén lút lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 của bà Bùi Thị S trị giá 2.300.000 đồng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn H đã thỏa mãn cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân, tiền sự: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K kết án tại bản án số 44/2018/HS-ST ngày 28/11/2018, xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích. Bị cáo bị Công an huyện K Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 119 ngày 24/7/2023 về hành vi Trộm cắp tài sản, đến nay chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo; đồng thời để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Không có.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu đề nghị gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Bị cáo thuộc trường hợp hộ cận nghèo, đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2023

- Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Phòng PV06 + PC10 Công an Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà